



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92520850200000104	VU DINH KIEN	男	2003-11-18	022203007188	IE 4.13	
2	H92520850200000105	DUONG CHINH NAM	男	2008-09-12	022208001498	IE 4.13	
3	H92520850200000106	HOANG THI VAN ANH	女	2001-08-31	024301009243	IE 4.13	
4	H92520850200000107	HA THI LINH	女	2007-11-28	024307007838	IE 4.13	
5	H92520850200000108	LUC THI TUYET ANH	女	2007-09-30	024307012587	IE 4.13	
6	H92520850200000109	DO HAI YEN	女	2008-11-26	024308013784	IE 4.13	
7	H92520850200000110	NGUYEN PHUONG LINH	女	2008-01-13	025308000210	IE 4.13	
8	H92520850200000111	PHAM THI HANH	女	2003-02-08	026303000072	IE 4.13	
9	H92520850200000112	PHAM HAI LINH	女	2003-09-06	027303002488	IE 4.13	
10	H92520850200000113	BUI DUC LAM	男	1998-11-03	031098010622	IE 4.13	
11	H92520850200000114	DO HUONG GIANG	女	2003-06-16	031303000573	IE 4.13	
12	H92520850200000115	LE THI HA PHUONG	女	2001-11-23	034301009885	IE 4.13	
13	H92520850200000116	NGUYEN THI DIEP	女	2004-05-30	034304004305	IE 4.13	
14	H92520850200000117	DOAN THI THUY LINH	女	1997-11-30	036197015889	IE 4.13	
15	H92520850200000118	TRAN THI DIEM QUYNH	女	2002-08-08	036302003648	IE 4.13	
16	H92520850200000119	PHAM THUY LINH	女	2002-11-07	036302012659	IE 4.13	
17	H92520850200000120	NGUYEN HOANG BAO NGOC	女	2004-05-07	038304001944	IE 4.13	
18	H92520850200000121	LE THI NGOC	女	2008-08-30	038308002861	IE 4.13	
19	H92520850200000122	DINH XUAN LAM ANH	男	1996-03-09	040096008839	IE 4.13	
20	H92520850200000123	HOANG THI LINH	女	1994-10-19	040194026769	IE 4.13	
21	H92520850200000124	TRAN THI NGOC MAI	女	2001-10-24	040301019076	IE 4.13	
22	H92520850200000125	BUI THI MINH THUY	女	2003-04-21	040303004515	IE 4.13	
23	H92520850200000126	VO THI BICH NGOC	女	2003-02-27	040303020009	IE 4.13	
24	H92520850200000127	TRAN THI NGOC ANH	女	2004-06-30	040304013076	IE 4.13	
25	H92520850200000128	HO THI HA PHUONG	女	2004-11-18	040304019637	IE 4.13	
26	H92520850200000129	TRAN THU TRANG	女	2001-02-26	042301004149	IE 4.13	
27	H92520850200000130	LE CAM HANG	女	2003-05-03	042303001641	IE 4.13	
28	H92520850200000131	LE THI NGOC ANH	女	2004-02-22	042304011626	IE 4.13	
29	H92520850200000132	LE NGOC PHUC	男	1997-02-22	049097003305	IE 4.13	
30	H92520850200000133	TRUONG THI MY LE	女	2001-11-24	067301002981	IE 4.13	
31	H92520850200000134	NGUYEN THU TRANG	女	1997-10-03	C9060479	IE 4.13	



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ID chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92520850200000001	DANG HIEU NGUYEN	男	2008-08-23	001208069833	LE 4.16	
2	H92520850200000002	PHUNG THI PHUONG THAO	女	2002-05-16	001302023176	LE 4.16	
3	H92520850200000003	PHAM HUU NHAT LINH	女	2004-04-19	001304010463	LE 4.16	
4	H92520850200000004	DUONG THI PHUONG THUY	女	2004-06-15	001304025186	LE 4.16	
5	H92520850200000005	NGUYEN THUY LINH	女	2004-09-16	001304038954	LE 4.16	
6	H92520850200000006	NGUYEN THUY DUONG	女	2008-06-27	001308015547	LE 4.16	
7	H92520850200000007	NGUYEN NGOC THAO NGUYEN	女	2008-03-06	001308057748	LE 4.16	
8	H92520850200000008	DAM THI PHUONG UYEN	女	2004-08-20	004304000919	LE 4.16	
9	H92520850200000009	VUONG THI THU PHUONG	女	1993-09-27	010193000538	LE 4.16	
10	H92520850200000010	TRAN DUC TUAN	男	1994-07-18	019094001133	LE 4.16	
11	H92520850200000011	DANG PHUONG THAO	女	1998-09-29	019198004259	LE 4.16	
12	H92520850200000012	TRAN THI HONG HANH	女	1999-09-26	019199006812	LE 4.16	
13	H92520850200000013	NGUYEN THI DUNG	女	2001-10-09	019301002639	LE 4.16	
14	H92520850200000014	LY THU THAO	女	2003-05-08	019303001688	LE 4.16	
15	H92520850200000015	LE HUONG GIANG	女	2003-10-09	019303008648	LE 4.16	
16	H92520850200000016	DAO PHUONG THAO	女	2003-04-05	019303009349	LE 4.16	
17	H92520850200000017	NGUYEN THI NGOC	女	2003-08-25	019303009544	LE 4.16	
18	H92520850200000018	DINH THUY KIEU	女	2003-02-09	020303002910	LE 4.16	
19	H92520850200000019	NGUYEN NGOC HOA	女	2004-06-10	020304000612	LE 4.16	
20	H92520850200000020	DOAN THI THUY TRANG	女	1999-04-24	022199004914	LE 4.16	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92520850200000021	NGUYEN THI THUY NGA	女	2003-11-02	034303007564	LE 5.17	
2	H92520850200000022	VU BINH MINH	女	2008-02-16	034308010926	LE 5.17	
3	H92520850200000023	VU THI THANH HOA	女	1996-07-28	036196018192	LE 5.17	
4	H92520850200000024	DUONG TAM HOANG	男	2004-12-25	036204005007	LE 5.17	
5	H92520850200000025	BUI THI THUY LINH	女	2002-12-10	036302008578	LE 5.17	
6	H92520850200000026	TRAN BUI MINH THU	女	2003-10-26	036303002506	LE 5.17	
7	H92520850200000027	TRAN KHANH NGOC	女	2009-09-01	036309013162	LE 5.17	
8	H92520850200000028	PHAM THI PHAN	女	1986-10-11	037186002949	LE 5.17	
9	H92520850200000029	NGUYEN THI ANH TUYET	女	2006-11-14	037306000217	LE 5.17	
10	H92520850200000030	VU HA ANH	女	2008-09-10	037308000284	LE 5.17	
11	H92520850200000031	NGUYEN THU THAO	女	1998-09-09	038198014026	LE 5.17	
12	H92520850200000032	DAO THI THANH HUYEN	女	1999-01-07	038199002745	LE 5.17	
13	H92520850200000033	LE HA KHANH LINH	女	2000-10-24	038300001604	LE 5.17	
14	H92520850200000034	LE THI THAO	女	2005-12-13	038305003329	LE 5.17	
15	H92520850200000035	HOANG THI THUONG	女	2005-10-04	038305023881	LE 5.17	
16	H92520850200000036	HOANG LINH	女	2006-09-22	038306023292	LE 5.17	
17	H92520850200000037	LE QUYNH TRANG	女	2008-02-09	038308023299	LE 5.17	
18	H92520850200000038	NGUYEN VAN KHANH	女	1997-11-02	040197023437	LE 5.17	
19	H92520850200000039	NGUYEN THI CUC	女	2002-09-08	040302007252	LE 5.17	
20	H92520850200000040	VO THI QUYNH ANH	女	2005-09-05	040305013855	LE 5.17	
21	H92520850200000041	BACH DINH THANG	男	2000-03-08	042200013520	LE 5.17	
22	H92520850200000042	LE THI HONG ANH	女	2001-03-24	042301005435	LE 5.17	
23	H92520850200000043	NGUYEN THI AN OANH	女	2001-09-05	042301008985	LE 5.17	
24	H92520850200000044	DANG THI THU THAO	女	1997-08-10	049197009958	LE 5.17	
25	H92520850200000045	NGUYEN THI THU THUY	女	1995-10-02	072195008262	LE 5.17	
26	H92520850200000046	PHAM TUYET NHI	女	2001-04-15	079301031878	LE 5.17	
27	H92520850200000047	LE THI NGOC DIEP	女	2008-09-23	094308010889	LE 5.17	
28	H92520850200000048	HOANG THI OANH	女	1994-06-12	E03046269	LE 5.17	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92520850200000049	CHU NGOC HAN	女	2008-06-08	020308006598	LE 5.18	
2	H92520850200000050	PHAM VAN THANH	男	1985-08-12	022085000777	LE 5.18	
3	H92520850200000051	LE DUY DUNG	男	2004-03-26	022204000732	LE 5.18	
4	H92520850200000052	PHAM HONG TRANG	女	2000-07-08	022300000114	LE 5.18	
5	H92520850200000053	NGUYEN THI CHUNG THUY	女	2002-06-13	022302003047	LE 5.18	
6	H92520850200000054	BUI THUY VAN	女	2003-12-05	022303007289	LE 5.18	
7	H92520850200000055	DO NGOC MAI PHUONG	女	2008-03-12	022308010344	LE 5.18	
8	H92520850200000056	HOANG PHUONG NAM	男	2002-10-07	024202001179	LE 5.18	
9	H92520850200000057	LA VAN HAI	男	2004-02-12	024204003532	LE 5.18	
10	H92520850200000058	DUONG NGOC QUYNH	女	2002-11-23	024302002297	LE 5.18	
11	H92520850200000059	CAO TUE MAN	女	2005-03-23	024305004343	LE 5.18	
12	H92520850200000060	NGUYEN PHUONG THUY	女	2007-04-13	024307000302	LE 5.18	
13	H92520850200000061	DAO THI HONG HANH	女	2008-03-30	024308001756	LE 5.18	
14	H92520850200000062	DO THI THU THUY	女	2008-07-28	024308003312	LE 5.18	
15	H92520850200000063	NGUYEN PHAM BAO ANH	女	2008-10-04	024308005336	LE 5.18	
16	H92520850200000064	NGUYEN LINH GIANG	女	2008-06-17	024308009046	LE 5.18	
17	H92520850200000065	NGUYEN TIEN DUNG	男	1989-08-19	025089010619	LE 5.18	
18	H92520850200000066	NGUYEN THI MINH THU	女	1994-03-30	026194008016	LE 5.18	
19	H92520850200000067	VU CHAU BANG	女	2003-01-30	026303002793	LE 5.18	
20	H92520850200000068	DO NGOC CHI	女	2008-06-05	026308000913	LE 5.18	
21	H92520850200000069	BUI THI OANH	女	2008-10-25	026308005903	LE 5.18	
22	H92520850200000070	NGUYEN HOAI ANH	女	2008-10-29	027308007922	LE 5.18	
23	H92520850200000071	DO HA THUY	女	2003-08-08	030303004244	LE 5.18	
24	H92520850200000072	PHAM MANH TRUONG	男	1993-06-01	031093003210	LE 5.18	
25	H92520850200000073	DINH KHANH VAN	女	1999-07-15	031199009436	LE 5.18	
26	H92520850200000074	DOAN PHUONG LINH	女	2008-07-28	031308004858	LE 5.18	
27	H92520850200000075	HOANG THU THAO	女	1996-09-13	033196000206	LE 5.18	
28	H92520850200000076	NGUYEN HOANG MINH	男	2009-09-22	033209005371	LE 5.18	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92520850200000077	NGUYEN VIET BAO TRUNG	男	2008-11-17	001208015520	LE 5.21	
2	H92520850200000078	LE MINH THUY	女	2001-10-16	001301028048	LE 5.21	
3	H92520850200000079	HOANG THI HANH	女	2002-09-01	001302012631	LE 5.21	
4	H92520850200000080	HOANG MAI PHUONG	女	2003-03-13	001303003327	LE 5.21	
5	H92520850200000081	TRAN THI PHUONG	女	2004-10-12	001304033546	LE 5.21	
6	H92520850200000082	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2005-03-30	001305046271	LE 5.21	
7	H92520850200000083	BUI THUY CHI	女	2007-04-03	001307015813	LE 5.21	
8	H92520850200000084	LY THI VAN ANH	女	2008-01-02	001308044063	LE 5.21	
9	H92520850200000085	VUONG THI VAN ANH	女	2008-02-24	001308045822	LE 5.21	
10	H92520850200000086	LE HOAI THU	女	2008-07-10	002308004350	LE 5.21	
11	H92520850200000087	TRAN THI DIEU THUY	女	2000-04-02	008300006865	LE 5.21	
12	H92520850200000088	LA THI KIEN	女	2003-08-15	010303001686	LE 5.21	
13	H92520850200000089	NGUYEN THU HIEN	女	2004-12-03	010304007009	LE 5.21	
14	H92520850200000090	GOANG SIN CHOANG	女	2005-02-09	010305000681	LE 5.21	
15	H92520850200000091	LUU THI MINH NGOC	女	2008-10-01	010308001265	LE 5.21	
16	H92520850200000092	TRAN HUYEN TRANG	女	2008-02-01	015308004849	LE 5.21	
17	H92520850200000093	TRAN NHAT ANH	女	2008-07-30	015308009192	LE 5.21	
18	H92520850200000094	NGUYEN THU TRANG	女	2008-02-04	015308009520	LE 5.21	
19	H92520850200000095	TRAN XUAN DUNG	男	1990-01-26	019090008444	LE 5.21	
20	H92520850200000096	LUONG NGOC BAO MINH	女	2000-10-13	019300008039	LE 5.21	
21	H92520850200000097	DUONG THI CHUC	女	2003-11-30	019303008145	LE 5.21	
22	H92520850200000098	QUACH HUONG THAO	女	2004-06-06	019304004742	LE 5.21	
23	H92520850200000099	NGUYEN THI QUYEN	女	2008-07-07	019308001323	LE 5.21	
24	H92520850200000100	BUI THI THU TRAM	女	1994-01-04	020194006434	LE 5.21	
25	H92520850200000101	LANG PHUONG LAN	女	2003-01-19	020303002553	LE 5.21	
26	H92520850200000102	LY KIM CHI	女	2003-01-11	020303006650	LE 5.21	
27	H92520850200000103	LUONG HOANG TRINH ANH	女	2008-03-18	020308003832	LE 5.21	